Phụ lục

DANH SÁCH THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO) TỪ NGÀY 16 – 30/9/2026

(Kèm theo Thông báo số 765 /TB-SPS-BNNMT ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Văn phòng SPS Việt Nam)

1. Danh sách thông báo dự thảo lấy ý kiến góp ý

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
1	G/SPS/N/UKR/279	CNTY	U-crai-na	30/9/2026	U-crai-na dự thảo về các yêu cầu thực hành tốt phân phối thuốc thú y.	U-crai-na dự thảo yêu cầu thực hành tốt phân phối thuốc thú y. Các yêu cầu này áp dụng bắt buộc đối với tổ chức, cá nhân có giấy phép sản xuất, nhập khẩu và phân phối bán buôn thuốc thú y, kể cả các đơn vị hoạt động trong khu phi thuế quan hoặc kho ngoại quan. Dự thảo quy định các yêu cầu về quản lý chất lượng, nhân sự và đào tạo, cơ sở vật chất, thiết bị, hệ thống máy tính, thẩm định quy trình, hồ sơ và lưu trữ, đồng thời quy định việc phê duyệt nhà cung cấp và khách hàng; tiếp nhận, bảo quản, tiêu hủy thuốc thú y không phù hợp; chuẩn bị đơn hàng, cung ứng và xuất khẩu. Ngoài ra, dự thảo quy định việc xử lý khiếu nại, thuốc bị trả lại hoặc bị giả mạo, thu hồi thuốc khỏi thị trường, hoạt động của bên thứ ba, tự kiểm tra và vận chuyển thuốc thú y, bao gồm thuốc có yêu cầu đặc biệt về điều kiện vận chuyển. ***Thời hạn góp ý: 45 ngày kể từ ngày lưu hành thông báo.***

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
2	G/SPS/N/UKR/278	BCT	U-crai-na	30/9/2026	U-crai-na dự thảo sửa đổi Lệnh số 118 ngày 12/3/2019 về yêu cầu an toàn và chất lượng đối với sữa và sản phẩm sữa.	U-crai-na dự thảo sửa đổi Lệnh số 118 ngày 12/3/2019 về yêu cầu an toàn và chất lượng đối với sữa và sản phẩm sữa. Dự thảo quy định các mốc thời gian cụ thể để bắt buộc áp dụng các tiêu chí đối với sữa nguyên liệu, thay cho quy định hiện hành xác định thời hạn dựa trên thời điểm chấm dứt hoặc bãi bỏ tình trạng thiết quân luật tại Ukraine; theo đó, các mốc thời gian tương ứng được ấn định là ngày 01/01/2029 và ngày 01/01/2028. Đồng thời, dự thảo bổ sung định nghĩa nguyên liệu sữa, làm rõ thuật ngữ theo pháp luật hiện hành và mở rộng trường hợp miễn trừ đối với sản phẩm sữa được chuẩn bị, chế biến và bảo quản phục vụ tiêu dùng nội bộ của hộ gia đình. Dự thảo cũng bổ sung yêu cầu chứng minh tính đại diện của mẫu sữa nguyên liệu đối với hàm lượng chất béo và protein, quy định tiêu chí xác định mẫu không phù hợp và cách xử lý khi mẫu không đạt yêu cầu. Dự thảo bổ sung các phương pháp tham chiếu xác định hàm lượng chất béo và protein vào Danh mục phương pháp thử, đồng thời mở rộng các phương pháp phân tích thay thế. Ngoài ra, dự thảo làm rõ điều kiện sử dụng sữa và sữa non không đáp ứng các yêu cầu đã quy định. ***Thời hạn góp ý: 45 ngày kể từ ngày lưu hành thông báo.***

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
3	G/SPS/N/MYS/73	ATTP	Ma-lai-xi-a	30/9/2026	Ma-lai-xi-a dự thảo sửa đổi Điều 19 và Phụ lục IX đính kèm Điều 23 thuộc Quy định thực phẩm năm 1985.	Ma-lai-xi-a dự thảo sửa đổi Điều 19 và Phụ lục IX của Điều 23 thuộc Quy định thực phẩm năm 1985. Theo đó, dự thảo bổ sung chất tạo ngọt vào định nghĩa về phụ gia thực phẩm, đồng thời bổ sung khoản mới quy định định nghĩa và yêu cầu kỹ thuật đối với chiết xuất quả La Hán. Bên cạnh đó, dự thảo loại bỏ mục liên quan đến chiết xuất nấm men, nấm men bất hoạt dạng khô, nấm men tự phân hoặc hỗn hợp các sản phẩm này, cùng các yêu cầu kỹ thuật tương ứng trong Phụ lục IX. Dự thảo áp dụng đối với tất cả các loại thực phẩm, với mục tiêu bảo đảm an toàn thực phẩm. ***Thời hạn góp ý trước ngày 29/11/2026.***
4	G/SPS/N/KOR/844/Add.1	CNTY	Hàn Quốc	30/9/2026	Hàn Quốc dự thảo sửa đổi Quy định về vệ sinh thú y nhập khẩu đối với thức ăn chăn nuôi chứa protein động vật đã qua chế biến.	Hàn Quốc bổ sung quy định đối với dự thảo sửa đổi được thông báo tại số G/SPS/N/KOR/844 ngày 09/4/2026. Dự thảo sửa đổi nhằm cho phép các sản phẩm có nguồn gốc từ gia cầm - được sản xuất tại các quốc gia đang bị cấm xuất khẩu gia cầm/sản phẩm có nguồn gốc từ gia cầm sang Hàn Quốc - được phép nhập khẩu vào Hàn Quốc theo các thủ tục đã quy định, với điều kiện là các sản phẩm này đã qua quá trình xử lý nhiệt. Theo đó, các quy định mới được bổ sung nêu rõ rằng, trong quá trình xử lý, các sản phẩm phải được xử lý bằng nhiệt ẩm ở nhiệt độ tối thiểu 56°C trong 30 phút, hoặc bằng cách gia nhiệt toàn bộ sản phẩm để đạt nhiệt độ lõi tối thiểu là 74°C, hoặc bằng một phương pháp được chứng minh là mang lại hiệu quả tương đương hoặc cao hơn.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						Biện pháp này được bổ sung nhằm đảm bảo mức độ an toàn tối thiểu khi phòng chống bệnh cúm gia cầm độc lực cao (Highly Pathogenic Avian Influenza - HPAI) trong việc nhập khẩu các sản phẩm có nguồn gốc từ gia cầm, có xem xét đến các điều kiện xử lý được khuyến nghị tại Điều 10.4.19 của Bộ luật sức khỏe động vật trên cạn của Tổ chức Thú y Thế giới (World Organisation for Animal Health - WOAH) đối với việc nhập khẩu các sản phẩm có nguồn gốc từ gia cầm dùng làm thức ăn chăn nuôi.
5	G/SPS/N/JPN/1432	CNTY	Nhật Bản	30/9/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi Thông tư của Bộ về quy chuẩn và tiêu chuẩn của thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi.	Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (Ministry of Agriculture, Forestry and Fisheries - MAFF) dự thảo sửa đổi tiêu chuẩn về phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi nói chung được quy định trong "Thông tư của Bộ về quy chuẩn và tiêu chuẩn của thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi" (Thông tư số 35 ngày 24/7/1976 của Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp). Theo đó, axit guanidinoacetic được nhập khẩu vào Nhật Bản dưới dạng phụ gia thức ăn chăn nuôi sẽ được phép sử dụng với mức bổ sung tối đa là 0,12% trong thức ăn cho lợn và tất cả các loại gà (ngoại trừ gà đẻ trứng), qua đó làm tăng mức giới hạn tối đa cho phép và mở rộng phạm vi các loài động vật được cấp phép sử dụng. ***Dự thảo dự kiến được thông qua và công bố vào tháng 10/2026.***

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
6	G/SPS/N/TZA/550	CLCB	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a	25/9/2026	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a dự thảo Tiêu chuẩn châu Phi DARS 1779:2026 quy định về đặc tính kỹ thuật đối với cá viên.	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a dự thảo Tiêu chuẩn châu Phi DARS 1779:2026 quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm cá viên. Dự thảo Tiêu chuẩn áp dụng đối với cá viên dùng làm thực phẩm, được chế biến từ phi lê cá, thịt cá xay hoặc hỗn hợp của hai loại này, có lớp phủ bột và được phân phối dưới dạng tươi, chiên sơ hoặc chiên trước. Sản phẩm phải được làm từ thịt cá tươi tốt, có độ dày tối thiểu 9,5 mm, không có tạp chất lạ, nội tạng, ký sinh trùng nhìn thấy bằng mắt thường hoặc xương vượt quá 5 mm theo bất kỳ chiều nào đối với sản phẩm được ghi nhãn không xương. Hàm lượng thịt cá tối thiểu và hàm lượng chất béo tối đa phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với từng loại sản phẩm; mức chất béo tối đa lần lượt là 8%, 12% và 15% đối với sản phẩm chưa chiên, chiên sơ và chiên trước. Lớp phủ bột phải phân bố đồng đều, bám dính tốt, không nứt vỡ hoặc bong tróc quá mức. Đối với sản phẩm chưa nấu có lớp bột nhão, phải sử dụng lớp bột khô bên ngoài để phân biệt với sản phẩm đã chiên trước. Về an toàn thực phẩm, sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh, vi sinh vật và chất ô nhiễm theo các tiêu chuẩn, hướng dẫn Codex có liên quan. Các giới hạn vi sinh vật bao gồm không phát hiện *Salmonella* spp. trong 25 g mẫu và *E. coli* không vượt quá 10 CFU/g. Hàm lượng histamine không được vượt quá 20 mg/100 g đối với cá thuộc các họ hoặc nhóm loài có khả năng hình thành histamine. Giới hạn tối đa đối với chì là 0,3 mg/kg và thủy ngân là 0,5 mg/kg đối với các loài cá không thuộc nhóm cá săn mồi.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						Đối với sản phẩm đông lạnh, nhiệt độ tại tâm sản phẩm phải đạt -18°C hoặc thấp hơn; quá trình bảo quản và vận chuyển phải duy trì nhiệt độ này. Thời gian bảo quản không vượt quá 360 ngày, trừ trường hợp có nghiên cứu xác nhận thời hạn sử dụng phù hợp. Về bao gói và ghi nhãn, sản phẩm phải được đóng gói trong vật liệu dùng cho thực phẩm, có khả năng chống ẩm, không thấm khí, nhằm bảo đảm chất lượng và vệ sinh sản phẩm. Nhãn phải thể hiện các thông tin theo quy định, bao gồm tên sản phẩm, thông tin về loài cá, hàm lượng thịt cá và trạng thái chế biến; đồng thời phải có hướng dẫn chế biến phù hợp với trạng thái của sản phẩm. ***Quy định sẽ có hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý trước ngày 24/11/2026.***
7	G/SPS/N/BRA/2537	TTBVTV, BCT	Bra-xin	25/9/2026	Bra-xin dự thảo quy định sửa đổi 25 chuyên luận trong Danh mục chuyên luận về hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin dự thảo quy định sửa đổi 25 chuyên luận trong Danh mục chuyên luận về hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Theo đó, dự thảo đề xuất điều chỉnh hoặc bổ sung giới hạn tối đa dư lượng (Maximum Residue Limit - MRL), thời gian cách ly, cây trồng, phương thức sử dụng và định nghĩa dư lượng đối với 25 hoạt chất. Cụ thể, điều chỉnh thời gian cách ly của azoxystrobin đối với bí ngô, bí xanh, su su, mướp đắng và dưa chuột xuống 1 ngày; bổ sung mía vào danh mục cây trồng sử dụng chlorpyrifos với MRL 0,06 mg/kg và thời gian cách ly 60 ngày; bổ sung nhiều loại cây trồng

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						vào chuyên luận cartap hydrochloride với MRL 0,01 mg/kg; điều chỉnh MRL của difenoconazole đối với bí ngô, bí xanh, su su, mướp đắng và dưa chuột thành 0,15 mg/kg; điều chỉnh MRL của fenpropimorph đối với đậu tương thành 0,5 mg/kg; điều chỉnh MRL của fludioxonil đối với cây có múi thành 9 mg/kg và đu đủ thành 15 mg/kg; điều chỉnh MRL của mesotrione đối với mía thành 0,15 mg/kg; bổ sung thanh long vào chuyên luận pidiflumetofen với MRL 0,2 mg/kg và thời gian cách ly 7 ngày; điều chỉnh MRL của tebuconazole đối với chuối thành 5 mg/kg; và điều chỉnh MRL của thiamethoxam đối với đậu tương thành 0,04 mg/kg. Dự thảo cũng bổ sung nhiều cây trồng, điều kiện và phương thức sử dụng mới đối với các hoạt chất, trong đó có dừa, cọ dầu và macaúba đối với clethodim và haloxyfop-P-methyl; các loại đậu, đậu tương đối với diflufenican và icafolin methyl; lạc, đậu Hà Lan, các loại đậu, đậu gà và đậu lăng đối với saflufenacil và triclopyr butotyl; cùng các trường hợp sử dụng phi thực phẩm đối với keo đen, mahogany châu Phi, thông, tếch và thuốc lá. Ngoài ra, dự thảo bổ sung hoặc sửa đổi định nghĩa dư lượng đối với diflufenican, icafolin methyl và tetraniliprole. Danh sách và nội dung sửa đổi cụ thể đối với 25 hoạt chất được nêu tại Phụ lục dự thảo kèm theo Tham vấn công khai số 1.419 ngày 10/9/2026. ***Thời hạn lấy ý kiến trước ngày 24/11/2026.***

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
8	G/SPS/N/UKR/277	BCT	U-crai-na	17/9/2026	U-crai-na dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung yêu cầu vệ sinh đối với sản xuất và lưu thông nước khoáng thiên nhiên, nước suối.	U-crai-na dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung yêu cầu vệ sinh đối với sản xuất và lưu thông nước khoáng thiên nhiên, nước suối. Theo đó, dự thảo quy định chi tiết điều kiện sử dụng không khí giàu ô-zôn để loại bỏ các hợp chất sắt, mangan, lưu huỳnh, asen, đồng thời quy định việc sử dụng alumina hoạt tính để loại bỏ lượng hợp chất fluoride dư thừa. Alumina hoạt tính phải được làm sạch ban đầu và tái tạo định kỳ từ 1 đến 4 tuần 1 lần qua 3 bước (xử lý bằng NaOH, xử lý bằng axit và rửa lại bằng nước). Mức phát tán dư lượng nhôm tổng số vào nước sau xử lý tuyệt đối không vượt quá 200 µg/l. Bên cạnh đó, dự thảo cũng quy định cụ thể các chỉ tiêu về sai số cho phép, độ chính xác của phương pháp kiểm nghiệm; bắt buộc doanh nghiệp áp dụng quy định Thực hành sản xuất tốt (Good Manufacturing Practice - GMP) và các nguyên tắc của hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (Hazard Analysis and Critical Control Points - HACCP). Dự thảo cũng bổ sung phương pháp kiểm nghiệm 15 thành phần tự nhiên trong nước khoáng gồm: bari, cadimi, mangan, asen, đồng, niken, nitrat, nitrit, thủy ngân, chì, selen, antimon, fluoride, crom và xyanua. Sản phẩm đã qua xử lý loại bỏ florua bằng phương pháp hấp phụ bắt buộc phải ghi cụm từ "đã xử lý bằng phương pháp hấp phụ" ngay sau thành phần chính trên nhãn hiệu sản phẩm. Quy định dự kiến sẽ có hiệu lực thi hành sau 6 tháng kể từ ngày được công bố chính thức. ***Thời hạn góp ý là 30 ngày kể từ ngày lưu hành thông báo.***

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
9	G/SPS/N/ARE/324[1]	TTBVTV	Các Tiểu Vương quốc Ả-rập thống nhất	16/9/2026	Các Tiểu Vương quốc Ả-rập thống nhất dự thảo quy chuẩn kỹ thuật vùng Vịnh đối với cà chua đóng gói sẵn.	Các Tiểu Vương quốc Ả-rập thống nhất dự thảo quy chuẩn kỹ thuật vùng Vịnh đối với cà chua đóng gói sẵn. Dự thảo áp dụng cho sản phẩm tiêu dùng trực tiếp (kể cả dịch vụ ăn uống, đóng gói lại) và sản phẩm dùng để chế biến tiếp; không bao gồm cà chua khô và cà chua bảo quản có chứa rau khác (ớt, hành tây) với lượng làm thay đổi đáng kể hương vị, mùi thơm của cà chua. Theo đó, sản phẩm được chế biến từ cà chua tươi đã rửa sạch và chín, đóng gói cùng hoặc không cùng môi trường đóng gói và gia vị thích hợp, sau đó được xử lý nhiệt trước hoặc sau khi đóng kín bao bì. Sản phẩm được phân loại theo ba tiêu chí. Về giống, cà chua có thể có dạng hình tròn hoặc dạng thuôn dài như hình trụ, hình lê, hình trứng hay hình mận. Về kiểu, sản phẩm gồm loại nguyên quả có bóc vỏ hoặc không bóc vỏ, và loại không nguyên quả như cắt hạt lựu, cắt lát, cắt múi hoặc nghiền thành thịt quả. Về loại bao gói, sản phẩm được đóng gói nguyên khối khi không có môi trường đóng gói, hoặc đóng thường khi có thêm môi trường đóng gói. Dự thảo quy định thành phần gồm cà chua và môi trường đóng gói như nước ép cà chua, puree hoặc cô đặc cà chua, thịt quả, và nước chỉ dùng cho loại không bóc vỏ; cùng các thành phần được phép khác là gia vị, thảo

[1] G/SPS/N/ARE/324, G/SPS/N/BHR/276, G/SPS/N/KWT/206, G/SPS/N/OMN/172, G/SPS/N/QAT/175, G/SPS/N/SAU/625, G/SPS/N/YEM/116

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						mộc thơm và chiết xuất tự nhiên, muối, chất axit hóa và đường. Chỉ tiêu chất lượng yêu cầu sản phẩm có màu sắc đặc trưng của cà chua chín, mùi vị bình thường và không có mùi vị lạ. Đối với kiểu nguyên quả, tỷ lệ cà chua ráo nước ở dạng nguyên hoặc gần nguyên tối thiểu là 65% khối lượng, riêng hộp nhỏ dưới 500g là 70%. Giới hạn khuyết điểm gồm vỏ không quá 30 cm^2/kg, vết bẩn không quá 3,5 cm^2/kg và pH không quá 4,5. Phụ gia thực phẩm theo GSO 2500. Về chất ô nhiễm, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo GSO 382, chất ô nhiễm khác theo GSO 193 và kim loại nặng theo GSO 2738. Vệ sinh theo GSO 1694 và CAC/RCP 23, giới hạn vi sinh theo GSO 1016. Về khối lượng và đo lường, độ đầy bao bì tối thiểu 90% dung tích nước và khối lượng ráo nước tối thiểu 50%. Ghi nhãn bằng tiếng Ả Rập và có thể kèm ngôn ngữ khác, gồm tên sản phẩm, kiểu, môi trường đóng gói, cụm từ "hương vị X" nếu thành phần thêm vào làm thay đổi hương vị, cùng ngày sản xuất và hạn sử dụng. Phương pháp phân tích và lấy mẫu theo GSO 1287 và GSO 244. Dự thảo tham chiếu Codex CXS 13-1981/Sửa đổi 2023 và được xác định là phù hợp. Quy định có hiệu lực sau 06 tháng kể từ ngày công bố. ***Thời hạn góp ý trước ngày 15/11/2026.***

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
10	G/SPS/N/ARE/325[2]	TTBVTV	Các Tiểu Vương quốc Ả-rập thống nhất	16/9/2026	Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất dự thảo Quy định kỹ thuật vùng Vịnh về nghệ khô.	Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất dự thảo Quy định kỹ thuật vùng Vịnh về nghệ khô. Dự thảo quy định các yêu cầu đối với nghệ khô dùng để tiêu thụ trực tiếp, làm nguyên liệu chế biến thực phẩm hoặc đóng gói lại, không áp dụng đối với sản phẩm dùng cho chế biến công nghiệp. Nghệ khô có thể ở dạng nguyên củ hoặc nguyên nhánh, dạng miếng, dạng bột/nghiền và các dạng khác được ghi rõ trên nhãn hoặc trong mô tả thương mại. Dự thảo quy định các yêu cầu về điều kiện vệ sinh, đặc tính cảm quan, chỉ tiêu vật lý và hóa học của sản phẩm. Độ ẩm tối đa là 12% đối với nghệ nguyên và nghệ dạng miếng, 10% đối với nghệ bột/nghiền; tổng tro tối đa tương ứng là 8%, 8% và 9%; tro không tan trong axit tối đa 1,5%; hàm lượng curcuminoid tối thiểu 2%. Sản phẩm cũng phải đáp ứng các giới hạn về nhiễm côn trùng, nấm mốc, tạp chất, vật lạ và chất bài tiết động vật. Về bao gói, nghệ khô phải được đựng trong bao bì sạch, nguyên vẹn, khô, làm từ vật liệu không ảnh hưởng đến sản phẩm, có khả năng bảo vệ sản phẩm khỏi hấp thụ độ ẩm và thất thoát dầu dễ bay hơi, đồng thời phải được đóng kín. Trong quá trình bảo quản và vận chuyển, sản phẩm phải được bảo vệ khỏi ánh nắng trực tiếp, mưa, nhiệt độ cao, mùi khó chịu và nhiễm chéo. Khu vực bảo quản phải khô ráo, thông gió phù hợp và hạn chế sự xâm nhập của côn trùng, sinh vật gây hại.

[2] G/SPS/N/ARE/325, G/SPS/N/BHR/277, G/SPS/N/KWT/207, G/SPS/N/OMN/173, G/SPS/N/QAT/176, G/SPS/N/SAU/626, G/SPS/N/YEM/117

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						Về an toàn thực phẩm, sản phẩm dạng bột được phép sử dụng chất chống đông vón. Sản phẩm phải tuân thủ các quy định của GSO về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, chỉ tiêu vi sinh, độc tố và kim loại nặng. Ngoài ra, nhãn sản phẩm phải thể hiện đầy đủ các thông tin bắt buộc gồm tên sản phẩm (có thể kèm chỉ định dạng sản phẩm), quốc gia xuất xứ và tên, địa chỉ của nhà sản xuất hoặc đóng gói. Thông tin về quốc gia và năm thu hoạch là không bắt buộc. Quy định dự kiến có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày công bố. ***Thời hạn góp ý trước ngày 15/11/2026.***
11	G/SPS/N/UKR/266/Rev.1	BCT	U-crai-na	16/9/2026	U-crai-na dự thảo Quyết định về việc phê duyệt tiêu chí phân loại và yêu cầu an toàn đối với nước khoáng thiên nhiên và nước suối.	U-crai-na dự thảo Quyết định về việc phê duyệt tiêu chí phân loại và yêu cầu an toàn đối với nước khoáng thiên nhiên và nước suối. Dự thảo này được đưa ra để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và hài hòa với các quy định về an toàn thực phẩm. Theo dự thảo, để được phân loại là nước khoáng thiên nhiên, nguồn nước bắt buộc phải được khai thác trực tiếp từ các mạch nước ngầm thông qua giếng hoặc nguồn tự nhiên, bảo đảm an toàn vi sinh và có các đặc tính về thành phần hóa học, khoáng chất, nhiệt độ luôn duy trì ở mức ổn định. Quyết định đưa ra các tiêu chí đánh giá toàn diện về địa chất, thủy văn, tính chất lý hóa, đồng thời định nghĩa rõ thông số "tổng số vi sinh vật bình thường" tại nguồn nước trước khi qua xử lý. Trong trường hợp nước khoáng thiên nhiên công bố có các đặc tính có lợi cho sức khỏe, sản phẩm phải trải qua các bước đánh giá lâm sàng, sinh lý học và dược lý theo phương pháp khoa học được công nhận. Về chỉ tiêu an toàn, nước khoáng thiên nhiên và nước suối lưu thông trên thị

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						trường tuyệt đối không được chứa ký sinh trùng, vi sinh vật gây bệnh, *Escherichia coli, Pseudomonas aeruginosa,* liên cầu khuẩn phân hay các vi khuẩn đường ruột khác. Sau khi đóng gói và trước khi đưa ra thị trường, tổng số vi sinh vật của nước không được vượt quá 100 CFU/ml (khi nuôi cấy ở 20-22°C trong 72 giờ) và 20 CFU/ml (khi nuôi cấy ở 37°C trong 24 giờ). Bên cạnh đó, dự thảo quy định chi tiết mức giới hạn tối đa cho phép đối với 15 thành phần hóa học tự nhiên có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe, tiêu biểu như: Bari (1,0 mg/l); Asen tổng (0,010 mg/l); Nitrat (50 mg/l), Chì (0,010 mg/l), Cadimi (0,003 mg/l) và Florua (5,0 mg/l). Đối với nước được xử lý bằng không khí giàu ô-zôn, mức dư lượng giới hạn vô cùng khắt khe, cụ thể là 50 µg/l đối với ô-zôn hòa tan, 3 µg/l đối với bromat và 1 µg/l đối với bromoform. Quyết định này dự kiến sẽ có hiệu lực thi hành sau 6 tháng kể từ ngày được công bố chính thức. ***Thời hạn góp ý trước ngày 15/11/2026.***

2. Danh sách quy định có hiệu lực

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/BDI/17/Add.1[3]	ATTP	Cộng đồng Đông Phi	30/9/2026	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 12:2025 về nước uống, phiên bản thứ hai.	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 12:2025 về nước uống, phiên bản thứ hai. Tiêu chuẩn được thông qua trên cơ sở dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 12:2022 về nước uống, trước đó đã được thông báo tới WTO theo các mã G/SPS/N/BDI/17, G/SPS/N/KEN/169, G/SPS/N/RWA/10, G/SPS/N/TZA/201 và G/SPS/N/UGA/211. ***Cộng đồng Đông Phi đã chính thức thông qua tiêu chuẩn ngày 28/7/2026.***
2	G/SPS/N/BDI/73 /Add.1[4]	TTBVTV	Cộng đồng Đông Phi	30/9/2026	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 456:2025 về yêu cầu đối với sản xuất hữu cơ, phiên bản thứ ba.	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 456:2025 về yêu cầu đối với sản xuất hữu cơ, phiên bản thứ ba. Tiêu chuẩn được thông qua trên cơ sở dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 456:2023 về yêu cầu đối với sản xuất hữu cơ, trước đó đã được thông báo tới WTO theo các mã G/SPS/N/BDI/73, G/SPS/N/KEN/240, G/SPS/N/RWA/66, G/SPS/N/TZA/308 và G/SPS/N/UGA/292. ***Cộng đồng Đông Phi đã chính thức thông qua tiêu chuẩn ngày 28/7/2026.***

[3] G/SPS/N/BDI/17/Add.1, G/SPS/N/KEN/169/Add.1, G/SPS/N/RWA/10/Add.1, G/SPS/N/TZA/201/Add.1, G/SPS/N/UGA/211/Add.1
[4] G/SPS/N/BDI/73/Add.1, G/SPS/N/KEN/240/Add.1, G/SPS/N/RWA/66/Add.1, G/SPS/N/TZA/308/Add.1, G/SPS/N/UGA/292/Add.1

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
3	G/SPS/N/BDI/16/Add.1[5]	ATTP	Cộng đồng Đông Phi	30/9/2026	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 153:2025 về nước uống đóng chai, phiên bản thứ hai.	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 153:2025 về nước uống đóng chai, phiên bản thứ hai. Tiêu chuẩn được xây dựng trên cơ sở dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 153:2022 về nước uống đóng chai, trước đó đã được thông báo tới WTO theo các mã G/SPS/N/BDI/16, G/SPS/N/KEN/168, G/SPS/N/RWA/9, G/SPS/N/TZA/200 và G/SPS/N/UGA/210. ***Cộng đồng Đông Phi đã chính thức thông qua tiêu chuẩn ngày 28/7/2026.***
4	G/SPS/N/EU/941/Add.1	TTBVTV, CNTY	Liên minh châu Âu	30/9/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2120 ngày 24/9/2026 về việc cấp phép sử dụng dịch chiết cồn hoa oải hương từ loài *Lavandula angustifolia* Mill. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật, đồng thời hủy bỏ cấp phép đối với dịch chiết cồn hoa oải hương từ loài *Lavandula angustifolia* × *L. latifolia* dưới dạng phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Đề xuất được thông báo tại số G/SPS/N/EU/941 ngày 23/4/2026 hiện đã được thông qua tại Quy định (EU) 2026/2120 ngày 24/9/2026 về việc cấp phép sử dụng dịch chiết cồn hoa oải hương từ loài *Lavandula angustifolia* Mill. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật, đồng thời hủy bỏ cấp phép đối với dịch chiết cồn hoa oải hương từ loài *Lavandula angustifolia* × *L. latifolia* dưới dạng phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. ***Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày được công bố trên Công báo của Liên minh châu Âu.***

[5] G/SPS/N/BDI/16/Add.1, G/SPS/N/KEN/168/Add.1, G/SPS/N/RWA/9/Add.1, G/SPS/N/TZA/200/Add.1, G/SPS/N/UGA/210/Add.1

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
5	G/SPS/N/USA/3597	ATTP	Hoa Kỳ	28/9/2026	Hoa Kỳ thông báo tiếp nhận hồ sơ đề nghị sửa đổi quy định về phụ gia tạo màu về việc cho phép sử dụng an toàn canxi sulfat trong một số loại thực phẩm.	Hoa Kỳ thông báo tiếp nhận hồ sơ đề nghị sửa đổi quy định về phụ gia tạo màu về việc cho phép sử dụng an toàn canxi sulfat trong một số loại thực phẩm. Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (Food and Drug Administration – FDA) thông báo đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị sửa đổi quy định nhằm cung cấp việc sử dụng an toàn chất canxi sunfat trong nhiều loại thực phẩm ở mức độ phù hợp với thực hành sản xuất tốt (Good Manufacturing Practice – GMP). Hồ sơ được FDA tiếp nhận từ công ty Doehler GmbH, được đệ trình vào ngày 10/9/2026 thông qua đại diện Hogan Lovells Cadwalader, trong đó bao gồm thông tin về bên đệ trình và nội dung đề nghị. Cụ thể, hồ sơ đề xuất cho phép sử dụng canxi sunfat trên 5 loại thực phẩm: các loại kẹo bọc/phủ; sữa bột; các sản phẩm từ váng sữa; bột kem pha chế; lớp phủ trang trí cùng nhân bánh nướng. Đối với quy định đề xuất này, hiện không có tiêu chuẩn quốc tế nào tương ứng như Codex được áp dụng. Bên đệ trình cho rằng đề xuất thuộc trường hợp được miễn trừ đánh giá môi trường theo quy định tại 21 CFR 25.32(k) và 25.32(r). FDA sẽ không yêu cầu đánh giá môi trường hoặc báo cáo tác động môi trường nếu xác định đề xuất thuộc trường hợp được miễn trừ; trường hợp không được miễn trừ, FDA sẽ yêu cầu đánh giá môi trường và công khai tài liệu để công chúng tra cứu.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
6	G/SPS/N/UKR/271/Add.1	CNTY	U-crai-na	25/9/2026	U-crai-na ban hành Nghị quyết phê duyệt mẫu chứng từ thú y chung và chứng từ chung đối với hàng hóa nhập khẩu.	U-crai-na ban hành Nghị quyết phê duyệt mẫu chứng từ thú y chung và chứng từ chung đối với hàng hóa nhập khẩu. Theo đó, Nghị quyết số 1131 ngày 17/9/2026 phê duyệt mẫu chứng từ thú y chung đối với động vật sống nhập khẩu, mẫu chứng từ thú y chung đối với sản phẩm nhập khẩu và mẫu chứng từ chung đối với thực phẩm, thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc phi động vật thuộc diện tăng cường kiểm soát của nhà nước. Nghị quyết đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 570 ngày 18/7/2018 trước đây về các mẫu chứng từ nhập khẩu này. Dự thảo trước đó đã được thông báo tại số G/SPS/N/UKR/271 ngày 11/6/2026. ***Quy định có hiệu lực từ ngày 23/9/2026.***
7	G/SPS/N/TUR/163	CNTY	Thổ Nhĩ Kỳ	25/9/2026	Thổ Nhĩ Kỳ ban hành Quy định về thịt, sản phẩm thịt chế biến và sản phẩm từ thịt.	Thổ Nhĩ Kỳ ban hành Quy định về thịt, sản phẩm thịt chế biến và sản phẩm từ thịt. Quy định áp dụng đối với thịt sống, thịt xay, thịt gia cầm xay, hỗn hợp thịt đã chuẩn bị, thịt gia cầm tách cơ học và các sản phẩm từ thịt, quy định các yêu cầu liên quan đến sản xuất, bao gói, đưa sản phẩm ra thị trường, định nghĩa sản phẩm và các chỉ tiêu chất lượng. Theo đó, quy định nêu cụ thể về thành phần, tỷ lệ protein thịt, chất béo, muối, collagen, độ ẩm, pH và một số chỉ tiêu kỹ thuật đối với từng nhóm sản phẩm như thịt xay, köfte, burger, döner, xúc xích, jambon, pastırma, sản phẩm thịt nhũ hóa và các sản phẩm thịt gia cầm. Đồng thời, quy định yêu cầu về phụ gia thực phẩm, hương liệu, chất nhiễm bẩn, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc thú y, vệ sinh, bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Quy định được đăng Công báo ngày 16/9/2026, có hiệu lực cùng ngày. Các cơ sở thực phẩm đang hoạt động trước ngày ban hành phải hoàn thành việc tuân thủ các quy định mới trước ngày 31/3/2027. Theo đó, Quy định trước đây số 2018/52 về thịt, hỗn hợp thịt chế biến và sản phẩm từ thịt sẽ hết hiệu lực.
8	G/SPS/N/CHL/890/Add.1	TTBVTV	Chi-lê	25/9/2026	Chile ban hành Nghị quyết số 8.803 năm 2026, sửa đổi Nghị quyết số 7.214 năm 2014 về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với cây trồng làm cảnh dùng để trồng nhập khẩu từ mọi nguồn gốc, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 4.166 năm 2023.	Chi-lê ban hành Nghị quyết số 8.803 năm 2026, sửa đổi Nghị quyết số 7.214 năm 2014 về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với cây trồng làm cảnh dùng để trồng nhập khẩu từ mọi nguồn gốc, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 4.166 năm 2023 về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với cây *Sansevieria* spp. nhập khẩu từ Cô-xta Ri-ca. Dự thảo trước đó đã được thông báo tại số G/SPS/N/CHL/890 ngày 02/7/2026. Nghị quyết được công bố trên Công báo Chi-lê ngày 23/9/2026 và có hiệu lực kể từ ngày công bố.
9	G/SPS/N/EU/974	CNTY	Liên minh châu Âu	24/9/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1865 ngày 29/7/2026 về việc cấp phép sử dụng tinh dầu cỏ xạ hương (*Thymus vulgaris* L. và/hoặc *Thymus zygis* L.) làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1865 ngày 29/7/2026 về việc cấp phép sử dụng tinh dầu cỏ xạ hương (*Thymus vulgaris* L. và/hoặc *Thymus zygis* L.) làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Phụ gia này thuộc nhóm phụ gia cảm quan, nhóm chức năng là hợp chất tạo hương. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority – EFSA), tinh dầu cỏ xạ hương an toàn đối với động vật ở mức hàm lượng tối đa được xác định cho từng loài, đồng thời an toàn đối với người tiêu dùng và môi trường khi sử dụng theo các điều kiện đề xuất. Tuy nhiên, phụ gia có thể gây kích

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						ứng da, mắt và mẫn cảm qua da, đường hô hấp; việc người sử dụng tiếp xúc với phụ gia qua bất kỳ con đường nào đều được xem là có nguy cơ. Do tinh dầu chứa thymol với hàm lượng từ 35% đến 60%, Quy định quy định mức hàm lượng tối đa của phụ gia trong thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh và không cho phép sử dụng kết hợp với các nguồn thymol khác. Phụ gia phải được phối trộn vào thức ăn chăn nuôi dưới dạng hỗn hợp bổ sung (premixture); hướng dẫn sử dụng phải nêu điều kiện bảo quản và độ ổn định khi xử lý nhiệt. Các đơn vị kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải thiết lập quy trình và biện pháp tổ chức để kiểm soát rủi ro; nếu không thể loại bỏ rủi ro, phải sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân cho da, mắt và đường hô hấp. Quy định cũng quy định các biện pháp chuyển tiếp đối với phụ gia, hỗn hợp bổ sung, thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đã được sản xuất, ghi nhãn theo quy định trước đây. Thời hạn cấp phép đối với phụ gia này là đến ngày 19/8/2036. Quy định đã được thông qua ngày 29/7/2026, công bố ngày 30/7/2026, có hiệu lực từ ngày thứ 20 kể từ ngày đăng trên Công báo của Liên minh châu Âu.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
10	G/SPS/N/EU/973	CNTY	Liên minh châu Âu	24/9/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1822 ngày 24/7/2026 về việc cấp phép sử dụng cồn thuốc bạc hà (*Mentha* × *piperita* L.), cồn thuốc cỏ xạ hương dại (*Thymus serpyllum* L.) và cồn thuốc xô thơm (*Salvia officinalis* L.) làm phụ gia thức ăn chăn nuôi áp dụng cho tất cả các loài động vật	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1822 ngày 24/7/2026 về việc cấp phép sử dụng cồn chiết xuất từ bạc hà cay (*Mentha* × *piperita* L.), cồn chiết xuất từ cỏ xạ hương dại (*Thymus serpyllum* L.) và cồn chiết xuất từ cây xô thơm (*Salvia officinalis* L.) làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Các phụ gia này thuộc nhóm phụ gia cảm quan, nhóm chức năng là hợp chất tạo hương. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority – EFSA), các phụ gia trên an toàn đối với động vật ở mức hàm lượng tối đa được xác định cho từng loài, đồng thời an toàn đối với người tiêu dùng và môi trường khi sử dụng theo các điều kiện đề xuất. Tuy nhiên, các phụ gia có thể gây kích ứng da, mắt và mẫn cảm qua da, đường hô hấp; do đó, cần áp dụng các biện pháp bảo hộ phù hợp. Quy định không cho phép sử dụng các phụ gia này trong nước uống. Phụ gia phải được phối trộn vào thức ăn chăn nuôi dưới dạng hỗn hợp bổ sung (premixture), đồng thời phải ghi rõ điều kiện bảo quản và độ ổn định khi xử lý nhiệt trong hướng dẫn sử dụng. Quy định cũng quy định các mức hàm lượng tối đa khuyến nghị trên nhãn và các biện pháp chuyển tiếp đối với phụ gia, hỗn hợp bổ sung, thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đã được sản xuất, ghi nhãn theo quy định trước đây. Thời hạn cấp phép đối với cả ba phụ gia là đến ngày 16/8/2036. Quy định đã được thông qua ngày 24/7/2026, công bố ngày 27/7/2026, có hiệu lực từ ngày thứ 20 kể từ ngày đăng trên Công báo của Liên minh châu Âu.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
11	G/SPS/N/EU/972	CNTY	Liên minh châu Âu	24/9/2026	Liên minh Châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2074 ngày 17/9/2026 về việc cấp phép lần đầu tiên đối với chế phẩm *Bacillus subtilis* DSM 33862 và *Lentilactobacillus buchneri* DSM 12856 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi áp dụng cho tất cả các loài động vật.	Liên minh Châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2074 ngày 17/9/2026 về việc cấp phép lần đầu tiên đối với chế phẩm *Bacillus subtilis* DSM 33862 và *Lentilactobacillus buchneri* DSM 12856 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi áp dụng cho tất cả các loài động vật. Phụ gia này được xếp vào nhóm phụ gia công nghệ (nhóm chức năng: chất điều chỉnh độ axit). Cụ thể, theo đánh giá khoa học từ cơ quan an toàn thực phẩm Châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), chế phẩm an toàn cho tất cả các loài động vật, người tiêu dùng và môi trường, đồng thời có khả năng giảm độ pH của nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật ở mức khuyến nghị tối thiểu là 1 x 10^8 CFU/kg nguyên liệu. Tuy nhiên, do chế phẩm có nguy cơ gây nhạy cảm qua đường da và dị ứng đường hô hấp cho người thao tác, các cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải xây dựng quy trình vận hành, biện pháp tổ chức và trang bị thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp, bao gồm bảo vệ da và hô hấp cho người lao động nhằm hạn chế rủi ro. Ngoài ra, quy định yêu cầu phụ gia này chỉ được sử dụng độc quyền trong các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi dạng xay nghiền có nguồn gốc thực vật với độ ẩm cao, từ 64% đến 87%. Quy định đã được thông qua ngày 17/9/2026, công bố ngày 18/9/2026, có hiệu lực từ ngày thứ 20 kể từ ngày đăng trên Công báo của Liên minh châu Âu.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
12	G/SPS/N/EU/971	CNTY	Liên minh châu Âu	24/9/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2072 ngày 17/9/2026 về việc cấp phép sử dụng perlite làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho gia cầm nuôi để vỗ béo, gia cầm nuôi để đẻ hoặc sinh sản, chim cảnh, lợn con và lợn nuôi để vỗ béo	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2072 ngày 17/9/2026 về việc cấp phép sử dụng perlite làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho gia cầm nuôi để vỗ béo, gia cầm nuôi để đẻ hoặc sinh sản, chim cảnh, lợn con và lợn nuôi để vỗ béo. Phụ gia này thuộc nhóm phụ gia công nghệ, nhóm chức năng chất chống vón cục (anticaking agents), với hàm lượng tối đa là 20.000 mg/kg thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh có độ ẩm 12%. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority – EFSA), perlite an toàn đối với các loài và nhóm vật nuôi được cấp phép ở mức sử dụng tối đa quy định, đồng thời an toàn cho người tiêu dùng và môi trường trong điều kiện sử dụng đề xuất. Phụ gia không gây kích ứng da hoặc mắt nhưng có thể gây mẫn cảm qua da và đường hô hấp; do đó, cần giảm thiểu nguy cơ phơi nhiễm qua các đường này. Quy định yêu cầu ghi rõ điều kiện bảo quản trong hướng dẫn sử dụng phụ gia và hỗn hợp phụ gia. Các cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải xây dựng quy trình vận hành và biện pháp tổ chức để kiểm soát rủi ro; nếu không thể loại bỏ rủi ro, phải sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân, bao gồm bảo vệ da và đường hô hấp. Cần đặc biệt tuân thủ quy định của Liên minh châu Âu về bảo vệ người lao động trước nguy cơ hít phải silica tinh thể và niken. Thời hạn cấp phép sử dụng perlite kéo dài đến ngày 08/10/2036. Quy định đã được thông qua ngày 17/9/2026, công bố ngày 18/9/2026, có hiệu lực từ ngày thứ 20 kể từ ngày đăng trên Công báo của Liên minh châu Âu.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
13	G/SPS/N/EU/970	CNTY	Liên minh châu Âu	24/9/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2076 ngày 17/9/2026 về việc cấp phép sử dụng tinh dầu nhục đậu khấu chiết xuất từ hạt *Myristica fragrans* Houtt. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2076 ngày 17/9/2026 liên quan đến việc cấp phép sử dụng tinh dầu nhục đậu khấu chiết xuất từ hạt *Myristica fragrans* Houtt. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi. Dựa trên đánh giá khoa học của Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA), chất này được phân loại thuộc danh mục phụ gia cảm quan và nhóm chức năng hợp chất tạo hương. Quy định không cho phép sử dụng phụ gia này trong nước uống cho vật nuôi và yêu cầu người sử dụng phải có trang thiết bị bảo hộ cá nhân do tính chất gây kích ứng da, mắt và đường hô hấp của sản phẩm. Quy định ban hành các giới hạn hàm lượng tối đa đối với tinh dầu nhục đậu khấu, tính bằng miligam hoạt chất trên kilogam thức ăn hoàn chỉnh có độ ẩm 12%, áp dụng theo từng loài động vật. Mức giới hạn 10 mg/kg được áp dụng cho cá hồi, các loại cá vây phụ, bê vỗ béo, cừu và dê vỗ béo, các loài nhai lại và họ Lạc đà vỗ béo. Hàm lượng tối đa đối với lợn vỗ béo là 6,0 mg/kg, trong khi các loài thỏ vỗ béo áp dụng mức 4,4 mg/kg. Đối với gia cầm, mức giới hạn là 3,7 mg/kg cho gà tây vỗ béo và 2,8 mg/kg cho gà vỗ béo. Cá cảnh áp dụng mức 2,5 mg/kg. Các mức giới hạn thấp hơn bao gồm 0,6 mg/kg đối với chó; 0,5 mg/kg đối với mèo, ngựa, cừu và dê khác; 0,3 mg/kg đối với lợn sinh sản, động vật nhai lại và họ Lạc đà khác. Mức 0,2 mg/kg được áp dụng cho lợn con, gia cầm đẻ trứng hoặc sinh sản, chim cảnh, các loài thỏ khác cùng các danh mục vật nuôi còn lại. Quy định đối với thời gian chuyển tiếp cho phép tiếp tục lưu thông và sử dụng hàng hóa tồn kho nếu đáp ứng các điều kiện về sản xuất và dán nhãn. Phụ gia và

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						hỗn hợp trộn sẵn sản xuất trước ngày 08/4/2027 được phép tiếp tục lưu hành. Thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn dành cho động vật sản xuất thực phẩm được phép sử dụng nếu sản xuất trước ngày 08/10/2027. Đối với thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn dành cho động vật không sản xuất thực phẩm, thời hạn này là trước ngày 08/10/2028. Quy định đã được thông qua ngày 17/9/2026, công bố ngày 18/9/2026, có hiệu lực từ ngày thứ 20 kể từ ngày đăng trên Công báo của Liên minh châu Âu.
14	G/SPS/N/EU/915/Corr.1	CNTY	Liên minh châu Âu	24/9/2026	Liên minh châu Âu đính chính, bổ sung đối với Quy định (EU) 2026/154 về việc cấp phép sử dụng đất sét sepiolite làm phụ gia thức ăn chăn nuôi.	Liên minh châu Âu đính chính, bổ sung đối với Quy định (EU) 2026/154 về việc cấp phép sử dụng đất sét sepiolite làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật ngoại trừ động vật nhai lại dùng cho sản xuất sữa hoặc sinh sản, lợn con cai sữa thuộc loài lợn, loài lợn nuôi thịt, cá hồi và gà nuôi thịt, đồng thời sửa đổi quy định thực thi (EU) 2023/263 liên quan đến các điều khoản cấp phép đất sét sepiolite làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho cá hồi và gà nuôi thịt đã được thông báo ngày 05/02/2026. Theo đó, EU đính chính việc quy định 2026/154 đã sơ suất bỏ sót các quy định chuyển tiếp cần thiết đối với tất cả các loài động vật ngoại trừ động vật nhai lại dùng cho sản xuất sữa hoặc sinh sản, lợn con cai sữa thuộc loài lợn, loài lợn nuôi thịt, cá hồi và gà nuôi thịt. Việc bổ sung các biện pháp chuyển tiếp nhằm cho phép các bên liên quan có thời gian chuẩn bị để đáp ứng các yêu cầu mới phát sinh từ việc cấp phép.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Quy định 2026/154 được đính chính tương ứng và áp dụng hồi tố kể từ ngày quy định này có hiệu lực, tức ngày 15/02/2026.
15	G/SPS/N/TUR/23/Rev.1/Add.5	TTBVTV	Thổ Nhĩ Kỳ	23/9/2026	Thổ Nhĩ Kỳ thông báo về việc yêu cầu cung cấp danh sách các vùng không có dịch hại để nhập khẩu thực vật và sản phẩm thực vật.	Thổ Nhĩ Kỳ thông báo về việc yêu cầu cung cấp danh sách các vùng không có dịch hại để nhập khẩu thực vật và sản phẩm thực vật. Quy định kiểm dịch thực vật sửa đổi của Thổ Nhĩ Kỳ đã được ban hành trước đó tại thông báo số G/SPS/N/TUR/23/Rev.1/Add.2 ngày 06/5/2026, bản tiếng Anh của Quy định đã được công bố tại thông báo số G/SPS/N/TUR/23/Rev.1/Add.4 ngày 04/8/2026. Theo khoản 13 Điều 8 về việc kiểm soát nhập khẩu (Import Control), đối với thực vật và sản phẩm thực vật thuộc Phụ lục 4 mà yêu cầu cung cấp thông tin về vùng không có dịch hại liên quan đến khu vực sản xuất, Tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia (National Plant Protection Organization - NPPO) của nước xuất xứ phải thông báo trước cho NPPO của Thổ Nhĩ Kỳ danh sách các vùng được xác định là không có dịch hại liên quan, phù hợp với các Tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp kiểm dịch thực vật (International Standards for Phytosanitary Measures - ISPMs). Khi tình trạng kiểm dịch của các vùng này thay đổi, NPPO nước xuất xứ phải gửi danh sách cập nhật. Việc kiểm soát chính thức đối với các lô hàng liên quan sẽ không được tiến hành cho đến khi danh sách vùng không có dịch hại được NPPO nước xuất xứ chính thức thông báo cho NPPO Thổ Nhĩ Kỳ. Theo điểm b khoản 1 Điều 16, nếu hồ sơ có thiếu sót, doanh nghiệp có 20 ngày để hoàn thiện. Nếu không

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						hoàn thiện trong thời hạn này, thủ tục trả lô hàng về nước xuất khẩu sẽ được tiến hành.
16	G/SPS/N/EU/969	CNTY	Liên minh châu Âu	22/9/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1786 ngày 23/7/2026 về việc tái cấp phép cồn thuốc húng quế (*basil tincture*) từ loài *Ocimum basilicum* L. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1786 ngày 23/7/2026 về việc cấp phép lại cồn thuốc húng quế (*basil tincture*) từ loài *Ocimum basilicum* L. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Theo quy định, cồn thuốc húng quế (mã số 2b308-t) được cấp phép lại tại EU với thời hạn đến ngày 13/8/2036, thuộc nhóm phụ gia cảm quan, chức năng hợp chất tạo hương. Việc tái cấp phép dựa trên kết luận đánh giá khoa học của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA). Theo đó, chất này không gây lo ngại về an toàn đối với động vật có vòng đời ngắn được nuôi để vỗ béo và rất ít khả năng gây ảnh hưởng bất lợi đối với động vật có vòng đời dài và động vật sinh sản khi sử dụng trong các giới hạn quy định. Không xác định được mối lo ngại về an toàn đối với người tiêu dùng và môi trường. Tuy nhiên, cồn thuốc húng quế được đánh giá là chất gây kích ứng da, mắt và gây mẫn cảm qua da, đường hô hấp. Quy định đưa ra một số điều kiện sử dụng cụ thể. Phụ gia phải được đưa vào thức ăn chăn nuôi dưới dạng premix; hướng dẫn sử dụng phải nêu điều kiện bảo quản và độ ổn định khi xử lý nhiệt. Phụ gia không được sử dụng trong nước uống, vì hợp chất tạo hương không được phép cấp phép cho mục đích này theo Quy định (EC) số 1831/2003. Ngoài ra, việc sử dụng đồng thời cồn thuốc húng quế với các phụ gia khác chỉ được phép khi hàm lượng methyleugenol và estragole trong nguyên

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						liệu thức ăn và thức ăn hỗn hợp thấp hơn mức phát sinh từ việc sử dụng phụ gia có hàm lượng cao nhất của các chất này trong điều kiện áp dụng cho từng loài hoặc nhóm động vật. Đối với an toàn người sử dụng, các cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải thiết lập quy trình vận hành và biện pháp tổ chức để kiểm soát những rủi ro tiềm ẩn từ việc sử dụng phụ gia và premix. Trường hợp không thể loại bỏ rủi ro bằng các quy trình và biện pháp này, phụ gia và premix phải được sử dụng kèm phương tiện bảo hộ cá nhân (personal protective equipment - PPE) để bảo vệ da, mắt và đường hô hấp. Biện pháp này có liên quan đến nguy cơ phơi nhiễm methyleugenol và estragole trong quá trình xử lý phụ gia. Ngoài ra, văn bản quy định các điều khoản chuyển tiếp đối với sản phẩm được sản xuất và ghi nhãn theo quy định cũ áp dụng trước ngày 13/8/2026. Cụ thể, phụ gia cồn thuốc húng quế và premix chứa phụ gia này nếu được sản xuất và ghi nhãn trước ngày 13/02/2027 thì được tiếp tục đưa ra thị trường và sử dụng cho đến khi hết hàng tồn kho. Đối với thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi chứa phụ gia này dành cho động vật dùng làm thực phẩm, thời hạn sản xuất và ghi nhãn là trước ngày 13/8/2027. Đối với sản phẩm dành cho động vật không dùng làm thực phẩm, thời hạn tương ứng là trước ngày 13/8/2028. Các sản phẩm đáp ứng điều kiện được tiếp tục lưu hành và sử dụng cho đến khi hết hàng tồn kho.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Quy định đã được thông qua ngày 23/7/2026, công bố ngày 24/7/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 kể từ ngày đăng tải trên Công báo chính thức của Liên minh châu Âu.
17	G/SPS/N/EU/914/Corr.1	CNTY	Liên minh châu Âu	22/9/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2070 ngày 17/9/2026 về việc đính chính thông tin đối với hàm lượng 2-chloroethanol trong Phụ lục của Quy định (EU) 2026/164 liên quan đến việc gia hạn cấp phép choline chloride làm phụ gia thức ăn chăn nuôi.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2070 ngày 17/9/2026 về việc đính chính thông tin đối với hàm lượng 2-chloroethanol trong Phụ lục của Quy định (EU) 2026/164 liên quan đến việc gia hạn cấp phép choline chloride làm phụ gia thức ăn chăn nuôi. Cụ thể, trong Phụ lục, hàm lượng 2-chloroethanol đã được thể hiện không chính xác. Hàm lượng được nêu trong phần mô tả đặc tính của hoạt chất tương ứng với hàm lượng 2-chloroethanol trong các phụ gia liên quan, thay vì hàm lượng trong hoạt chất. Ngoài ra, hàm lượng này không nên được thể hiện dưới dạng 2-chloroethanol mà phải được thể hiện dưới dạng tổng hàm lượng ethylene oxide và 2-chloroethanol, quy đổi và biểu thị dưới dạng ethylene oxide. Quy định này áp dụng hồi tố và có hiệu lực kể từ ngày tiếp theo ngày đăng trên Công báo của Liên minh châu Âu.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
18	G/SPS/N/EU/968	CNTY	Liên minh châu Âu	21/9/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định về việc cấp phép sử dụng L-valine làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1756 ngày 20/7/2026 về việc cấp phép sử dụng L-valine được sản xuất từ *Corynebacterium glutamicum* KCCM 80366, dưới dạng sản phẩm lên men đã bất hoạt, làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật trong thời hạn 10 năm. Theo đó, phụ gia này thuộc nhóm phụ gia dinh dưỡng và nhóm chức năng axit amin, muối và các chất tương tự của chúng. Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA) kết luận rằng, L-valine an toàn cho tất cả các loài động vật khi được bổ sung vào khẩu phần với lượng phù hợp nhu cầu dinh dưỡng, đồng thời an toàn đối với người tiêu dùng và môi trường. Tuy nhiên, phụ gia được xem là chất gây mẫn cảm da và đường hô hấp, trong khi khả năng gây kích ứng mắt chưa được kết luận. Khi sử dụng cho động vật nhai lại, L-valine phải được bảo vệ khỏi sự phân giải trong dạ cỏ. Ngoài ra, hướng dẫn sử dụng phụ gia và chất tiền phối trộn phải nêu điều kiện bảo quản và độ ổn định khi xử lý nhiệt; nhãn phụ gia phải ghi hàm lượng ẩm; nhãn phụ gia và chất tiền phối trộn phải nêu rõ việc bổ sung L-valine cần tính đến tất cả các axit amin thiết yếu và axit amin thiết yếu có điều kiện nhằm tránh mất cân đối dinh dưỡng. Các cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải xây dựng quy trình vận hành và biện pháp tổ chức để kiểm soát rủi ro phát sinh từ việc sử dụng phụ gia. Nếu không thể loại bỏ các rủi ro này bằng các biện pháp nêu trên, phụ gia

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						và chất tiền phối trộn phải được sử dụng cùng với thiết bị bảo hộ cá nhân bảo vệ da, mắt và đường hô hấp. Quy định đã được thông qua vào ngày 20/7/2026 và chính thức công bố vào ngày 21/7/2026.
19	G/SPS/N/CAN/1634 /Add.1	CNTY, CLCB, TSKN	Ca-na-đa	21/9/2026	Ca-na-đa ban hành bản sửa đổi Danh sách các loài động vật thủy sinh mẫn cảm.	Ca-na-đa ban hành bản sửa đổi Danh sách các loài động vật thủy sinh mẫn cảm. Theo đó, Ca-na-đa thông báo về việc thông qua, công bố và có hiệu lực của nội dung sửa đổi đã được thông báo trước đó tại số G/SPS/N/CAN/1634 ngày 05/3/2026. Danh sách sửa đổi sẽ có hiệu lực từ ngày 05/10/2026.
20	G/SPS/N/BRA/2391/Add.1	TTBVTV	Bra-xin	18/9/2026	Bra-xin ban hành Quy định SDA/MAPA số 1.686 ngày 15/9/2026 về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống *Liatris* spp từ mọi nguồn gốc.	Bra-xin ban hành Quy định SDA/MAPA số 1.686 ngày 15/9/2026 về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống *Liatris* spp từ mọi nguồn gốc. Theo đó, tùy thuộc vào loại vật liệu nhân giống, lô hàng phải đáp ứng các yêu cầu khác nhau. Đối với thân rễ, lô hàng phải kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do Tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia (National Plant Protection Organization - NPPO) nước xuất xứ cấp, có tuyên bố bổ sung xác nhận lô hàng không nhiễm *Ditylenchus dipsaci*, *Ditylenchus destructor*, *Nepovirus arabis* và *Nepovirus lycopersici*, căn cứ vào kết quả phân tích chính thức của phòng thí nghiệm. Đối với hạt giống, lô hàng phải kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật có tuyên bố xác nhận không nhiễm *Nepovirus arabis* và *Nepovirus lycopersici*. Đối với cây nuôi cấy in vitro, ngoài tuyên bố xác nhận lô hàng không nhiễm hai loài

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Nepovirus nêu trên, có thể sử dụng tuyên bố thay thế rằng cây nuôi cấy in vitro có nguồn gốc từ cây mẹ đã được phân tích, kiểm tra và xác nhận không nhiễm hai loài này. Tùy theo tình trạng dịch hại trên lãnh thổ, nước xuất xứ có thể sử dụng các tuyên bố thay thế liên quan đến tình trạng của các dịch hại thuộc diện quản lý. Tuy nhiên, nước xuất xứ phải thông báo trước cho NPPO Bra-xin về các tuyên bố bổ sung dự kiến sử dụng để được phê duyệt. Nếu không thực hiện việc thông báo và phê duyệt trước, nước xuất xứ phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại Điều 2, 3 và 4, đồng thời không được sử dụng các tuyên bố thay thế. Nước xuất xứ cũng phải thông báo cho NPPO Bra-xin khi tình trạng dịch hại trên lãnh thổ thay đổi. Lô hàng phải chịu kiểm tra kiểm dịch thực vật tại điểm nhập cảnh vào Bra-xin và có thể được lấy mẫu để phân tích tại các phòng thí nghiệm chính thức hoặc được Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi công nhận. Chi phí vận chuyển mẫu và phân tích kiểm dịch thực vật do bên liên quan chi trả. Nếu phát hiện dịch hại kiểm dịch hoặc dịch hại có khả năng thuộc diện kiểm dịch đối với Bra-xin, lô hàng sẽ bị tiêu hủy hoặc trả lại nước xuất khẩu, đồng thời NPPO nước xuất khẩu sẽ được thông báo. NPPO Bra-xin có thể tạm đình chỉ nhập khẩu vật liệu nhân giống *Liatris* spp. cho đến khi hoàn tất việc rà soát Phân tích nguy cơ dịch hại tương ứng. Lô hàng không đáp ứng các yêu cầu quy định sẽ không được phép nhập khẩu vào Bra-xin. Quy định có hiệu lực kể từ ngày 16/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
21	G/SPS/N/CAN/1596 /Add.1	TTBVTV	Ca-na-đa	16/9/2026	Ca-na-đa ban hành mức giới hạn tối đa dư lượng đối với hoạt chất Chlorantraniliprole trong hoặc trên một số nông sản, thực phẩm.	Ca-na-đa ban hành mức giới hạn tối đa dư lượng (Maximum Residue Limit - MRL) đối với hoạt chất Chlorantraniliprole trong hoặc trên một số nông sản, thực phẩm. Các mức MRL được quy định gồm: 80 ppm đối với chè (lá khô); 2,0 ppm đối với dầu cọ; 0,8 ppm đối với quả cọ dầu và 0,3 ppm đối với quả bơ. Dự thảo các mức MRL này đã được thông báo trước đó tại số G/SPS/N/CAN/1596 ngày 25/7/2025, thông qua và được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về mức MRL của Ca-na-đa ngày 10/9/2026.
22	G/SPS/N/UKR/269/Add.1	TTBVTV	U-crai-na	16/9/2026	U-crai-na ban hành quyết định về việc phê duyệt các sửa đổi đối với phương pháp kiểm tra, xem xét, lấy mẫu, và thực hiện giám định kiểm dịch thực vật.	U-crai-na ban hành quyết định về việc phê duyệt các sửa đổi đối với phương pháp kiểm tra, xem xét, lấy mẫu, và thực hiện giám định kiểm dịch thực vật. Dự thảo quyết định đã được thông báo trước đó tại số G/SPS/N/UKR/269 ngày 03/6/2026. Quyết định đã được đăng ký tại Bộ Tư pháp U-crai-na ngày 11/8/2026, được công bố chính thức và có hiệu lực từ ngày 08/9/2026.

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế); TTBVTV: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; CCPT: Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường; CNTY: Chăn nuôi và Thú y; TSKN: Cục thủy sản và Kiểm ngư; BCT: Bộ Công Thương.